

Số: ~~2893~~ /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Kết - Cư trú tại bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 150.696.125 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi năm đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Kết có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



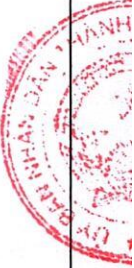
Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số : 2893 /QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
2	Hộ ông Trần Văn Kết					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					150.696.125
a	Về đất				26.293.600	
1	Diện tích thu hồi	m ²	714,4			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	644,8	37.000	23.857.600	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	69,6	35.000	2.436.000	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 05 thửa đất tổng diện tích thu hồi 714,4 m² gồm các thửa 1090, tờ BĐ số 128. Thửa đất số 563, 565, 566, 567 tờ BĐ số 129 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 28,68,63, tờ BĐ số 129 và thửa đất 81, tờ BĐ số 128 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089178 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên ông Trần Văn Kết. (Trong đó phần diện tích thu hồi thửa 563, tờ bản đồ 129 theo trích đo thu hồi, diện tích 239,9 m²: Có 50,2 m² đất BHK và 189,7 m² đất LUK; thửa 567, tờ bản đồ 129 theo trích đo thu hồi, diện tích 114,8 m²: Có 19,4 m² đất BHK và 95,4 m² đất LUK)</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi chồng lấn thửa đất số 140, tờ BĐ số 129 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý và thửa đất số 62, tờ BĐ số 129 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý. Thực tế do ông Trần Văn Kết đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Trần Văn Và khai hoang trước năm 1993 sử dụng mục đích trồng lúa (đến năm 2007 cho tặng cho con là ông Trần Văn Kết không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa, đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Trần Văn Và tạo lập năm 2000 sau đó để lại cho con trai là ông Trần Văn Kết năm 2013 quản lý sử dụng. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp					28.054.125
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu</i>					
1	Dầm cầu bắc qua suối BTCT (0,3*0,3*20)	m ³	1,8	1.393.700	2.508.660	
2	Kè đá xếp khan (6*1,2*0,5) kè giữ đất	m	3,6	141.900	510.840	



I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
3	Kè đá xây (1,7*0,5*75) kè giữ đất	m ³	63,8	392.700	25.034.625	
b	Cây cối hoa màu trên đất				918.000	
1	Cây ổi trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000	
2	Cây lấy gỗ D= 5-10 cm	Cây	2,0	30.000	60.000	
3	Cây lấy gỗ D= 5-10 cm	Cây	3,0	30.000	90.000	
4	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000	
c	Chính sách hỗ trợ				95.430.400	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	644,8	148.000	95.430.400	



